

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KINH TẾ CỬA KHẨU Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

Nguyễn Minh Hiếu *

1. Đặt vấn đề

Sau hơn 20 năm đổi mới, nền kinh tế Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu hết sức to lớn, trong đó không thể không đề cập đến sự đóng góp quan trọng của kinh tế cửa khẩu (KTCK) – xu thế phát triển tất yếu trong quá trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

Ở Việt Nam, KTCK là một hoạt động có từ lâu nhưng quy mô và tầm ảnh hưởng to lớn của nó chỉ mới thể hiện rõ nét trong vài năm gần đây. Một điều dễ thấy là muốn phát triển kinh tế, khơi dậy các tiềm năng to lớn của các tỉnh biên giới, thu hút những nguồn lực trong và ngoài nước, nâng cao đời sống văn hoá - xã hội - môi trường cũng như nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân vùng biên giới, rút ngắn khoảng cách phát triển của các vùng trong cả nước... con đường hiệu quả nhất lúc này là đẩy mạnh giao lưu cửa khẩu ở cả ba miền với ba nước có chung đường biên giới trên đất liền với Việt Nam là Trung Quốc, Lào và Campuchia.

Những thành quả đạt được của KTCK trong thời gian vừa qua là biểu hiện thành công của chủ trương đúng đắn trong chiến lược phát triển kinh tế – xã hội, an ninh quốc phòng của Đảng và Nhà nước, vừa khẳng định sức bật kinh tế ở các địa phương vùng biên, nhưng đồng thời cũng là hậu quả của sự phát triển chủ quan, cân nhắc chưa đầy đủ, bằng chứng là một thời gian dài chúng ta chưa chú trọng đầu tư phát triển vùng biên giới. Do vậy, bên cạnh các khu KTCK hoạt động hiệu quả, còn không ít các nguồn lực tại các cửa khẩu sử dụng chưa hợp lý nếu không nói là kém hiệu quả.

Vấn đề trên nhất thiết phải được nghiên cứu nhất là khi quan hệ kinh tế – xã hội giữa Việt Nam và các nước láng giềng đã có những bước phát triển mới, đòi hỏi phải có mô hình kinh tế phù hợp nhằm khai thác tiềm năng, thế mạnh kinh tế của các nước thông qua cửa khẩu biên giới. Trong bài viết này, chúng tôi nghiên cứu một số khu kinh tế cửa khẩu (KKTCK) điển hình ở khu vực biên giới tỉnh An Giang (Việt Nam) – Campuchia hiện nay, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp

* ThS. - Nhà xuất bản Giáo dục tại Tp. Hồ Chí Minh.

nhằm tận dụng hiệu quả các nguồn lực của các KKTCK nói riêng và kinh tế Việt Nam nói chung trong thời kì hội nhập.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lí luận của kinh tế cửa khẩu

2.1.1. Khái niệm khu kinh tế cửa khẩu

Cho đến nay, nhiều cơ sở lí thuyết liên quan đến KTCK được đề cập, đúc kết thể nhưng khái niệm này vẫn chưa có sự thống nhất cao độ từ các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước vì tùy thuộc vào điều kiện hình thành và phát triển đặc thù của nước mình.

KKTCK là một không gian kinh tế xác định, gắn với cửa khẩu có dân cư sinh sống và được áp dụng những cơ chế, chính sách phát triển đặc thù, phù hợp với đặc điểm từng địa phương sở tại nhằm mang lại hiệu quả kinh tế – xã hội cao nhất dựa trên việc quy hoạch, khai thác, sử dụng, phát triển bền vững các nguồn lực, do Chính Phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.

2.1.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển các khu kinh tế cửa khẩu

- + Yếu tố tự nhiên (vị trí địa lí, điều kiện khí hậu, địa hình,...);
- + Yếu tố lịch sử;
- + Trình độ phát triển kinh tế – xã hội, trình độ dân trí, các vấn đề giáo dục, y tế, phong tục, tập quán,...
- + Chính sách đối ngoại và quan hệ kinh tế – chính trị.

2.1.3. Những đặc trưng cơ bản của khu kinh tế cửa khẩu

- + Các KKTCK cách xa trung tâm kinh tế chính trị nước mình;
- + Dân cư tại các khu kinh tế các nước láng giềng có sự tương đồng nhau về văn hoá, truyền thống, tín ngưỡng tôn giáo;
- + Có sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế – xã hội – môi trường và chất lượng cuộc sống ;
- + Hợp tác và cạnh tranh là đặc trưng chủ yếu;

+ Hợp tác và giao lưu kinh tế dựa trên nguyên tắc tôn trọng chủ quyền của nhau, bình đẳng cùng có lợi.

2.1.4. Vai trò của các khu kinh tế cửa khẩu

Kinh tế cửa khẩu từ lâu đã đóng góp rất lớn đối với nền kinh tế đất nước, nó tác động đến mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế – xã hội cả nước nói chung và các tỉnh biên giới nói riêng. Tuy nhiên, trong đề tài này chúng tôi chỉ xét đến những vai trò được thể hiện rõ nét và mang tính phổ quát nhất. Về đại thể, bao gồm những vai trò sau :

- + Tạo điều kiện phát huy tiềm năng, ưu thế các địa phương biên giới ;
- + Góp phần mở rộng giao lưu buôn bán, mở rộng thị trường, tìm đầu ra cho sản phẩm ;
- + Xây dựng các hệ thống, mạng lưới phân phối, cung cấp và các dịch vụ đi kèm ;
- + Cải thiện đời sống người dân địa phương và khu vực ;
- + Cải thiện cơ sở hạ tầng, thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương.

2.2. Thực trạng các khu kinh tế cửa khẩu Việt Nam : nghiên cứu trường hợp các khu kinh tế cửa khẩu tỉnh An Giang – Campuchia

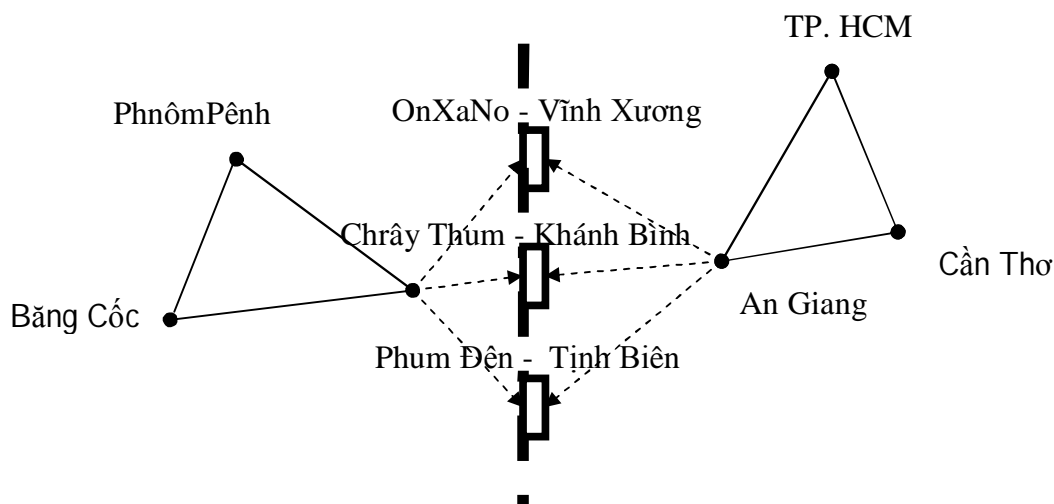
2.2.1. Tổng quan về các khu kinh tế cửa khẩu Việt Nam

Hiện nay, với hơn 4512km đường biên giới giáp với ba nước láng giềng (Trung Quốc, Lào và Campuchia) theo đường bộ, Thủ tướng Chính phủ đã cho phép thành lập gần 30 KKTCK. Trong đó, KKTCK được thành lập sớm nhất với mục đích thí điểm là KKTCK Móng Cái (huyện Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh). Từ đó đến nay, nhiều KKTCK được thành lập dọc đường biên giới với nhiều mục đích khác nhau và bước đầu phát huy hiệu quả về chính trị – kinh tế – văn hoá và xã hội.

2.2.2. Thực trạng các khu kinh tế cửa khẩu tỉnh An Giang (Việt Nam) – Campuchia

Tỉnh An Giang nằm phía Tây Nam của Việt Nam, là tỉnh biên giới đầu nguồn ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), địa hình vừa là đồng bằng vừa là rừng núi. Đường biên giới giáp với Campuchia khoảng 100 km, có 4 huyện, 1 thị

xã và 17 xã biên giới đối diện với 2 tỉnh Campuchia là Takeo và Kandal. Trong vùng có 2 cặp cửa khẩu quốc tế (Vĩnh Xương – OnXano và Tịnh Biên – PhumĐên) và 2 cặp cửa khẩu phụ (Bắc Đai – Bắc Đai, Vĩnh Hội Đông – Kôm Phông, Kro Răng) và 1 cặp cửa khẩu quốc gia (Khánh Bình – Chrây Thum).



Sơ đồ các khu kinh tế cửa khẩu tỉnh An Giang và phía nước bạn

Cơ cấu và nguồn gốc hàng hoá tại các KKTCK chủ yếu là hàng hoá Việt Nam, tuy nhiên cũng có sự phân hoá trong từng mặt hàng, ngành hàng cụ thể. Đối với các chợ giáp biên giới thì cơ cấu, nguồn gốc hàng có thay đổi, càng gần biên giới, tỉ lệ hàng nội địa càng giảm, thay vào đó là hàng có nguồn gốc từ Thái Lan, Trung Quốc và các nước khác tăng cao, có nơi chiếm đến 40 – 50% tổng hàng trưng bày và được bán với giá rất cạnh tranh so với hàng Việt Nam.

Giá trị hàng hoá trao đổi qua các cửa khẩu An Giang trong 9 tháng đầu năm 2007 đạt trên 420 triệu USD, trong đó kim ngạch xuất khẩu trực tiếp đạt trên 400 triệu, tăng 70% so với cùng kì năm 2006. Mua bán tiểu ngạch đạt trên 18 triệu USD, tăng 11 lần so với cùng kì.

Hàng hoá xuất khẩu, về cơ bản không có sự thay đổi lớn trong trao đổi buôn bán giữa hai nước. Hàng hoá Việt Nam từ các tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long đổ về An Giang trước khi xuất khẩu (chính ngạch) sang thị trường Campuchia chủ yếu gồm các mặt hàng tiêu dùng (mì ăn liền, bách hoá tổng hợp, giày dép, đồ nhựa,...), vật liệu xây dựng (xi măng, sắt thép,

ống nhựa, gạch lát nền,...). Trong khi đó, cơ cấu hàng xuất khẩu tiểu ngạch chủ yếu phục vụ đời sống người dân hai bên khu vực cửa khẩu, bao gồm các mặt hàng nông sản thực phẩm, hàng tiêu dùng, dầu cá, rau xanh,... Ngoài ra, ở khu vực này, trong những năm gần đây, còn xuất hiện tình trạng xuất lậu xăng, dầu và ngoại tệ qua phía bên kia biên giới.

Trong khi đó, các mặt hàng nhập khẩu chính ngạch cũng ít biến động, tập trung vào các nhóm nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc, nguyên liệu hàng may mặc, gia súc (bò) và một số mặt hàng tiêu dùng có xuất xứ từ Thái Lan, Trung Quốc. Về nhập khẩu tiểu ngạch và nhập lậu vẫn chủ yếu là các mặt hàng tiêu dùng, hàng điện máy, điện tử, quần áo, thuốc lá điếu, rượu ngoại, đường cát,...

Về khu vực tập kết hàng lậu trên địa bàn biên giới tỉnh An Giang có sự thay đổi do tính chất phức tạp của lực lượng chủ hàng và cửa vạ rất cơ động, họ né tránh các trạm hải quan, thị trường,... Tập trung nhiều ở một số khu vực nóng như xã Vĩnh Ngươn (đối diện gò Tà Mau), cửa khẩu Long Bình, xã An Khánh (An Phú), cửa khẩu Tịnh Biên, xã An Nông, An Phú (Tịnh Biên), cửa khẩu Vĩnh Xương, xã Phú Lộc (Tân Châu).

2.2.3. Những thuận lợi và khó khăn trong quá trình phát triển kinh tế cửa khẩu biên giới tỉnh An Giang

Về đại thể, trong quá trình phát triển, các KKTCK tỉnh An Giang có những thuận lợi và khó khăn như sau :

2.2.3.1. Những thuận lợi

- An ninh chính trị được giữ vững.
- Có sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa Chính phủ và các cơ quan chức năng giữa hai nước.
- Tận dụng được thị trường Campuchia đầy tiềm năng, dễ tính.
- Chính sách phát triển kinh tế tương đối thông thoáng.

2.2.3.2. Những khó khăn

- Cơ sở hạ tầng – vật chất kĩ thuật các KKTCK có nhiều thay đổi nhưng chưa tương xứng với yêu cầu phát triển.

– Dịch vụ hỗ trợ xuất nhập khẩu (hệ thống ngân hàng, tài chính, tiền tệ, dịch vụ bảo hiểm hàng xuất nhập khẩu, dịch vụ đóng gói, bao bì, dịch vụ hành chính công...) còn nhiều hạn chế vì nhiều nguyên nhân cả khách quan lẫn chủ quan: hạ tầng kĩ thuật chưa tương thích để triển khai các dịch vụ, nguồn nhân lực thiếu về số lượng, trình độ, năng lực còn hạn chế...

– Chính sách thuế quan còn nhiều bất cập. Biểu thuế, các dòng sản phẩm, khung thuế... vẫn chưa thống nhất và đồng bộ theo hướng khuyến khích doanh nghiệp xuất khẩu.

– Tổ chức quản lí trong hoạt động kinh tế cửa khẩu, các cấp lãnh đạo chưa thống nhất được với nhau, giữa TW và địa phương còn chống chèo nhau trong việc ra các văn bản hướng dẫn.

– Nguồn nhân lực không chỉ yếu về chuyên môn nghiệp vụ mà còn thiếu về số lượng chuyên trách.

2.3. Các giải pháp đề xuất

Để phát triển hơn nữa các KKTCK của Việt Nam nói chung và trên biên giới tỉnh An Giang nói riêng, ngay từ bây giờ và trong những năm sắp tới, chúng ta nên thực hiện đồng bộ các giải pháp chủ yếu sau dưới góc độ phân tích hệ thống :

– Kí kết và triển khai thực hiện các hiệp định kinh tế thương mại song phương và đa phương giữa các bên liên quan.

– Xây dựng và phát triển đồng bộ cơ chế, chính sách đối với các KKTCK quốc tế, quốc gia và địa phương về thuế, kinh tế – thương mại, dịch vụ – du lịch, xuất nhập cảnh, tài chính – tiền tệ,... cũng như ban hành cơ chế vận hành các chính sách trên cơ sở thông thoáng và bình ổn tâm lí của các đối tượng ảnh hưởng theo phương thức điều hành thống nhất, có kế hoạch và theo các lộ trình cụ thể.

– Tăng cường đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kĩ thuật và hạ tầng cơ sở theo hướng có trọng tâm, trọng điểm và thống nhất, đồng bộ về hệ thống kết nối.

– Cần chú trọng đào tạo, phát triển và sử dụng nguồn nhân lực theo hướng trước mắt và lâu dài có tính đến tận dụng nguồn nhân lực hiện có tại địa phương theo hướng chuyên nghiệp và chuyên môn hoá.

– Thống nhất trong điều hành, quản lý và thực thi quyền quản lý nhà nước của các cấp (từ TW đến từng địa phương) theo cơ chế phân quyền và chịu trách nhiệm cụ thể ở từng cấp quản lý.

– Xây dựng hệ thống thông tin ở các lĩnh vực (đầu tư, thương mại và dịch vụ,...) cũng như phân cấp các cấp quản lý có thẩm quyền trong việc bảo mật các thông tin nhạy cảm (quân sự, bí mật công nghệ sản xuất,...).

3. Kết luận

Tổ chức lãnh thổ kinh tế – xã hội của đất nước không thể không tính đến các KKTCK vì đây là một trong các cửa ngõ thông thương ra bên ngoài. Cửa khẩu là mặt nổi của tảng băng chìm bao gồm toàn bộ nền kinh tế hậu phương phía sau, kinh tế nội địa phát triển mạnh sẽ tạo đà tiến cho KTCK. Đồng thời, đến lượt mình, KTCK tạo bước phát triển đột phá quan trọng cho các luồng hàng hoá, dịch vụ, vốn, thông tin,...từ nội địa ra bên ngoài. Tất nhiên sự phát triển đó phải dựa trên sự nghiệp hoà bình và thịnh vượng của các nước láng giềng Việt Nam nói riêng và các nước trong khu vực nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Lương Đăng Ninh (2004), *Đổi mới quản lý Nhà nước về hoạt động xuất nhập khẩu trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Trung Quốc*, Nxb Khoa học Xã hội.
- [2]. Nguyễn Minh Hiếu (2004), “Bước đầu tìm hiểu kinh tế cửa khẩu Việt Nam”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học: “Địa lý học – Những vấn đề kinh tế – xã hội và môi trường trong quá trình Công Nghiệp hoá, hiện đại hoá”*, Tr. 121 – 131, ĐHSP TP. HCM, TP. HCM.
- [3]. Nguyễn Tiến Hiệp (2004), *Đánh giá tác động của việc hình thành khu vực mậu dịch tự do ASEAN – Trung Quốc tới phát triển kinh tế – xã hội các tỉnh ven biển biên giới Việt – Trung và dải ven biển Móng Cái – Hải Phòng*, Đề tài cấp Bộ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hà Nội.
- [4]. Phạm Văn Linh (2001), *Các khu kinh tế cửa khẩu biên giới Việt – Trung và tác động của nó tới sự phát triển kinh tế hàng hoá ở Việt Nam* (sách tham khảo), Nxb Chính trị Quốc gia, TP. HCM.
- [5]. Trịnh Tất Đạt, Vũ Anh Tuấn, Hoàng Công Hoàn (2002), *Tác động kinh tế xã hội của mở cửa biên giới (Nghiên cứu trường hợp thị xã Lạng Sơn và thị trấn Đồng Đăng)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[6]. UBND tỉnh An Giang (1996), *Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội tỉnh An Giang 1996 – 2010*, UBND tỉnh An Giang.

[7]. Vũ Như Vân (1998), *Môi trường kinh tế – xã hội vùng cửa khẩu biên giới Việt – Trung: Quan điểm, hiện trạng và dự báo phát triển*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ (Mã số: B 96 – 03 -05), Đại học Sư phạm Thái Nguyên.

Tóm tắt

Một số vấn đề về kinh tế cửa khẩu ở nước ta hiện nay

Phát triển KTCK là một trong những nhiệm vụ và xu thế tất yếu mà Việt Nam đã, đang và sẽ phải làm để đẩy mạnh tiến trình CNH – HĐH đất nước. Do vậy, việc nghiên cứu cơ sở lí luận (khái niệm, đặc trưng, vai trò,...), đi sâu tìm hiểu thực trạng các khu KTCK cũng như đề xuất các giải pháp nhằm tận dụng hiệu quả các nguồn lực hiện có ở vùng biên giới là những vấn đề hết sức cấp thiết hiện nay.

Abstract

Some current economic issues of Vietnam's border regions

The border regions' economic development is one of the indispensable tasks and trends for Vietnam in order to boost industrialization and modernization. Therefore, studying the theoretical framework (concept, specification, role ...), finding out about the real situations of the economic zones on the borders as well as suggesting the solutions to take the advantages of the power sources which exist at the borders are imperative.